

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 1224/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 15 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao tài sản nhà nước cho Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản
quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3055/STC-QLCSG ngày 08/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản nhà nước cho Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Tổng giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị là 4.932.953.500 đồng (*Bốn tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm đồng*), trong đó:

- Giá trị tài sản là đất: 3.212.000.000 đồng;
- Giá trị tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc: 1.436.138.000 đồng;
- Giá trị tài sản phương tiện vận tải: 94.548.000 đồng;
- Giá trị tài sản máy móc, thiết bị và tài sản khác: 190.267.500 đồng.

(Có danh mục tài sản nhà nước giao cho đơn vị kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản có trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn, tài sản nhà nước được giao; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Các Giám đốc Sở: Y tế, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5. *ld*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

**DANH MỤC TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 1224./QĐ-UBND ngày ..15...tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tên đơn vị được giao tài sản: Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản

Địa chỉ: 224A Bà Triệu, Phường Quang Trung, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

I. Về đất

a. Diện tích khuôn viên đất: 584 m²

b. Giá trị quyền sử dụng đất giao cho đơn vị quản lý: 3.212.000.000 đồng

II. Về nhà cửa, vật kiến trúc

ST T	Tài sản	Số lượng	Cấp hạng	Năm xây dựng	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (ngàn đồng)			Số tầng	Diện tích xây dựng (m²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m²)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m²)							Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (ngàn đồng)
						Nguyên giá		Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở HĐS N	Sử dụng khác					
						Nguồn NS	Nguồn khác							Làm nhà ở	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác	
1	Nhà làm việc	1	IV	1999	2000	1.436.138.000		1.436.138.000	3	369.4	600	600							1.436.138.000
	Tổng cộng					1.436.138.000		1.436.138.000	3	369.4	600	600							1.436.138.000



**DANH MỤC TÀI SẢN LÀ PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ
VÀ TÀI SẢN KHÁC GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày ...15...tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi/ Tải trọng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (ngàn đồng)			Hiện trạng sử dụng (cái, chiếc)			Giá trị tài sản giao cho đơn vị (ngàn đồng)
									Nguyên giá		Giá trị còn lại	HĐ sự nghiệp		HĐ khác	
									Nguồn NS	Nguồn khác		Kinh doanh	Không KD		
I	Phương tiện vận tải	1							0	533.250.000	94.548.000				94.548.000
1	Xe ô tô	1	Ford Everest	82B - 0685	7	Việt Nam	2005	2007		533.250.000	94.548.000			X	94.548.000
II	Trang thiết bị	8							747.650.000	-	190.267.500				190.267.500
1	Bàn hội trường SV SCT 5115	1						2011	17.500.000		4.375.000				4.375.000
2	Kệ đựng thuốc bằng sắt (2.9x0.45x2)	1						2011	10.250.000		2.562.500				2.562.500
3	Kệ đựng thuốc bằng sắt (23.6x0.45x2)	1						2011	11.250.000		2.812.500				2.812.500

STT	Tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi/ Tài trọng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (ngàn đồng)			Hiện trạng sử dụng (cái, chiếc)			Giá trị tài sản giao cho đơn vị (ngàn đồng)
									Nguyên giá		Giá trị còn lại	HĐ sự nghiệp		HĐ khác	
									Nguồn NS	Nguồn khác		Kinh doanh	Không KD		
4	Máy siêu âm trắng đen PROSOUND4	1						2011	637.350.000		159.337.500				159.337.500
5	Bộ máy vi tính Gigabyte	1						2011	24.300.000		6.075.000				6.075.000
6	Tủ 1350 H10	1						2010	31.360.000		3.920.000				3.920.000
7	Tủ CAT - 986 3KT	1						2011	5.940.000		1.485.000				1.485.000
9	Phần mềm kế toán	1						2010	9.700.000		9.700.000				9.700.000
	Tổng cộng (I+II)								747.650.000	533.250.000	284.815.500				284.815.500



 BỘ TÀI CHÍNH